

Bàn giải pháp giảm bớt sự phụ thuộc xuất khẩu vào khu vực FDI

VÕ TÁ TRI*

Theo Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu năm 2021 ước đạt gần 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020. Mặc dù xuất khẩu tăng mạnh, nhưng mức độ phụ thuộc vào khu vực FDI lại tăng lên so với những năm gần đây. Đây là một mối quan ngại đối với Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là nếu xét các gián đoạn trong thương mại quốc tế và chuỗi cung ứng toàn cầu do đại dịch Covid-19 cũng như cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung gây ra.

KẾT QUẢ XUẤT KHẨU NĂM 2021

Năm 2021, đại dịch Covid-19 tiếp tục diễn biến phức tạp, các biến chủng mới xuất hiện với tốc độ lây lan nhanh đã tác động nặng nề đến các trung tâm sản xuất hàng hóa lớn của cả nước, khiến các doanh nghiệp phải dừng sản xuất hoặc tổ chức sản xuất tại chỗ, làm ảnh hưởng đến nguồn hàng xuất khẩu. Chi phí vận tải kho bãi tiếp tục ở mức cao, tình trạng thiếu hụt vỏ container chưa thể khắc phục. Giá cả nguyên, nhiên vật liệu trên thị trường thế giới tăng cao (như: xăng dầu, sắt thép, nhựa, phân bón, thức ăn chăn nuôi...) tác động lớn đến giá thành sản xuất và xuất khẩu.

Trước tình hình đó, Chính phủ nói chung và Bộ Công Thương nói riêng đã sát cánh cùng với các địa phương, doanh nghiệp trong thực thi đồng bộ nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp tận dụng có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do để thúc đẩy xuất khẩu; tổ chức các đoàn công tác cấp cao (ở cấp chính phủ, bộ, ngành và qua các diễn đàn kinh tế quốc tế) trong và ngoài nước, cùng với các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trong tiếp cận các thị trường. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cấp, ngành hữu quan xử lý kịp thời các vướng mắc trong lưu thông hàng hóa, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu, giải tỏa kịp thời ách tắc tại các cửa khẩu, bến cảng nhằm duy trì các hoạt động xuất - nhập khẩu... Bên cạnh đó là sự chủ động, linh hoạt trong tổ chức sản xuất của các doanh nghiệp xuất khẩu nắm bắt cơ hội phục hồi từ các thị trường nhập khẩu, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để đẩy mạnh xuất khẩu.

Vì vậy, tuy bối cảnh nhiều khó khăn, song theo Bộ Công Thương, kim ngạch xuất khẩu năm 2021 của Việt Nam ước đạt gần 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được Quốc hội và Chính phủ giao (kế hoạch tăng 4%-5%). Việt Nam duy trì xuất siêu năm thứ 6 liên tiếp với mức

thặng dư trên 4 tỷ USD. Đặc biệt, xuất siêu chủ yếu vào thị trường các nước phát triển, có yêu cầu khắt khe về chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu, như: Hoa Kỳ (xuất siêu khoảng 80,1 tỷ USD); châu Âu (xuất siêu gần 23,2 tỷ USD)...

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tiếp tục cải thiện theo hướng tích cực, giảm hàm lượng xuất khẩu thô, tăng xuất khẩu sản phẩm chế biến, sản phẩm công nghiệp, tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đặc biệt, nhóm hàng công nghiệp chế biến tiếp tục chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu xuất khẩu, chiếm khoảng 86,24% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 0,6 điểm phần trăm so với năm 2020.

Các mặt hàng có đóng góp lớn vào mức tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu là: điện thoại các loại và linh kiện ước đạt 57,5 tỷ USD (tăng 12,4%); máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ước đạt 51,01 tỷ USD (tăng 14,4%); máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác ước đạt 38,34 tỷ USD (tăng 41%); gỗ và sản phẩm từ gỗ ước đạt 14,8 tỷ USD (tăng 19,7%); sắt thép các loại ước đạt 11,75 tỷ USD, tăng 123,4%. Đặc biệt, dệt may và da giày là 2 nhóm hàng chịu ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19 trong năm 2020 đã có sự phục hồi, với kim ngạch ước đạt 32,74 tỷ USD và 17,65 tỷ USD năm 2021, ước tăng lần lượt 9,8% và 4,9% so với cùng kỳ năm trước.

Quy mô các mặt hàng xuất khẩu tiếp tục được mở rộng. Số mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD trở lên tiếp tục tăng, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

* Trường Đại học Thương mại

Trong năm 2021, có 35 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, tăng 1 mặt hàng so với năm 2020 và chiếm 93,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 8 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 10 tỷ USD, tăng 2 mặt hàng so với năm 2020).

Thị trường xuất khẩu gia tăng không chỉ với các đối tác truyền thống, mà còn khai thác được các thị trường mới, tiềm năng, nhất là tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam đã vươn tới hầu hết các thị trường trên thế giới, nhiều sản phẩm dần có chỗ đứng vững chắc và nâng cao được khả năng cạnh tranh trên nhiều thị trường có yêu cầu cao về chất lượng, như: châu Âu, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Australia... Kim ngạch xuất khẩu sang các khu vực, thị trường đều đạt mức tăng trưởng dương, tăng cao ở những thị trường có các hiệp định thương mại tự do với Việt Nam, như: Trung Quốc tăng 15%; Hoa Kỳ tăng 24,2%; EU tăng 14%; ASEAN tăng 25,8%, Hàn Quốc tăng 15,8%, Ấn Độ tăng 21%, New Zealand tăng 42,5%...

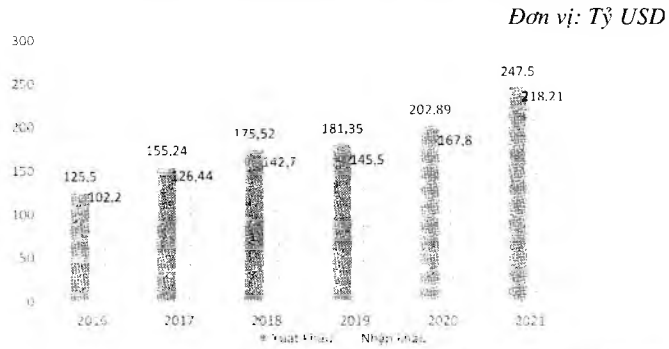
Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường là thành viên Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đạt mức tăng tốt (xuất khẩu sang Canada đạt 5,2 tỷ USD, tăng 19,5%; xuất khẩu sang Mexico đạt 4,6 tỷ USD, tăng 46,1%)... Điều này cho thấy hiệu quả cam kết từ CPTPP để thúc đẩy và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu.

Cùng với đó, xuất khẩu sang thị trường châu Âu năm 2021 cũng đạt khoảng 40,07 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2020. Nhiều mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đã có những chuyển biến tích cực tại thị trường châu Âu sau khi Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) được thực thi, bao gồm: thủy sản, tôm, gạo...

SỰ PHỤ THUỘC VÀO KHU VỰC FDI

Mặc dù xuất khẩu tăng mạnh, nhưng mức độ phụ thuộc của Việt Nam vào khu vực FDI lại tăng lên trong những năm gần đây. Theo Bộ Công Thương, năm 2019, xuất khẩu của doanh nghiệp FDI đạt 181,35 tỷ USD, chiếm 70,1% và tăng lên 202,89 tỷ USD, chiếm 72,3% năm 2020. Đến năm 2021, kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp FDI ước đạt 247,5 tỷ USD

HÌNH: TÌNH HÌNH XUẤT - NHẬP KHẨU CỦA KHU VỰC FDI (KẾ CẢ DẦU THÔ) GIAI ĐOẠN 2016-2021



tăng 21,1%, chiếm 73,6% tổng kim ngạch xuất khẩu (Hình). Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp trong nước ước đạt khoảng 88,7 tỷ USD, tăng 13,4%, thấp hơn mức tăng trưởng xuất khẩu chung của cả nước (19%) và chỉ chiếm 26,4% kim ngạch xuất khẩu (cùng kỳ năm 2020 chiếm 27,7%).

So với các doanh nghiệp trong nước, số doanh nghiệp FDI không nhiều, có lĩnh vực thua xa số doanh nghiệp nội, nhưng đóng góp vào xuất khẩu lại lớn. Chẳng hạn, mặt hàng đồ gỗ có tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI đạt 48% so với 52% của doanh nghiệp nội, trong khi số doanh nghiệp FDI chỉ chiếm 15% so với 85% doanh nghiệp nội trong tổng số doanh nghiệp đồ gỗ.

Một số địa phương phụ thuộc vào FDI rất lớn. Tỉnh Bắc Ninh xuất khẩu lớn thứ 2 cả nước năm 2021, đạt 44,8 tỷ USD và xuất siêu tới 6,5 tỷ USD. Song, đó không phải nội lực của Bắc Ninh, mà do tỉnh này thu hút FDI thuộc top đầu cả nước. Thực trạng xuất khẩu của Thái Nguyên, Bình Dương, Đồng Nai... cũng tương tự (Nguyễn Duy Nghĩa, 2022).

Chọn Việt Nam là điểm đến, các doanh nghiệp FDI đều mong muốn được cung cấp linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu tại chỗ để nhẹ giá thành đầu vào, chủ động sản xuất. Tuy nhiên, cho đến nay, công nghiệp hỗ trợ của Việt Nam vẫn ỉ ạch, nên khu vực FDI vẫn phải dựa vào nguyên vật liệu từ bên ngoài. Đó là chưa kể, các ngành công nghiệp của Việt Nam phụ thuộc vào nhập khẩu còn trầm trọng hơn khu vực FDI, cả lượng và chủng loại nguyên vật liệu phải nhập khẩu nhiều hơn. Ví dụ, thủy sản xuất khẩu phải nhập khẩu thủy sản nguyên liệu; xuất khẩu nhân điều nhưng lại nhập khẩu hạt điều thô; chế biến gỗ phải nhập khẩu gỗ tròn, gỗ dán, ván sợi...

Nhìn chung, Việt Nam được hưởng lợi từ ngoại thương và FDI, vì tạo ra việc làm và nâng cao kỹ năng cho lực lượng lao động, đóng góp vào nguồn thu thuế và tăng thu nhập của người lao động. Các dự án FDI cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao công nghệ và bí quyết sản xuất cho Việt Nam, tạo ra hiệu ứng lan tỏa, qua đó các doanh nghiệp trong nước được kết nối với chuỗi giá trị toàn cầu thông qua các doanh nghiệp FDI. Nhiều doanh nghiệp địa phương cũng

BẢNG: CÁN CÂN THƯƠNG MẠI CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2016-2021

Đơn vị: Tỷ USD

	2016		2017		2018		2019		2020		2021	
	Xuất siêu	Nhập siêu	Xuất siêu	Nhập siêu	Xuất siêu	Nhập siêu	Xuất siêu	Nhập siêu	Xuất siêu	Nhập siêu	Xuất siêu	Nhập siêu
Cả nước	1,7		2,1		6,9		10,9		19,1		4,0	
Doanh nghiệp FDI	23,8		27,6		32,1		35,9		34,5		29,36	
Doanh nghiệp Việt Nam		22,1		25,5		25,2		25,0		15,4		25,36

được thành lập bởi các cựu nhân viên các công ty nước ngoài, những người đã tách ra thành lập doanh nghiệp riêng sau khi tích lũy đủ kiến thức và kinh nghiệm. Tuy nhiên, sự phụ thuộc xuất khẩu quá nhiều vào khu vực FDI của Việt Nam lại là một vấn đề tiềm ẩn rủi ro đối với đất nước. Bản chất của việc doanh nghiệp FDI xuất siêu nhiều sẽ không mang lại nhiều giá trị gia tăng cho nền kinh tế. Điều này xuất phát từ việc các doanh nghiệp FDI xuất khẩu nhiều, thì cũng nhập nguyên liệu đầu vào từ các nước xuất xứ, không phải ở Việt Nam, kéo theo giá trị gia tăng trong nước không cao.

Cán cân thương mại trong những năm qua (Bảng) chỉ rõ, vai trò sản xuất và xuất khẩu hàng hóa đang thuộc về khu vực FDI; ngược lại, vai trò nhập khẩu hàng hóa, chủ yếu là hàng tiêu dùng phục vụ thương mại đang thuộc về khu vực doanh nghiệp trong nước. Điều này gián tiếp cho thấy điểm yếu trong cơ cấu của nền kinh tế, khi năng lực sản xuất phụ thuộc quá lớn vào doanh nghiệp nước ngoài. Doanh nghiệp trong nước dường như bị thu hẹp trong phạm vi “làm thương mại”. Tất nhiên, làm thương mại và dịch vụ tốt không phải là vấn đề. Rủi ro nằm ở chỗ, với một nền kinh tế quy mô dân số 100 triệu dân, sự phụ thuộc lớn vào năng lực sản xuất của nước ngoài sẽ đem đến nhiều nguy cơ nếu môi trường kinh tế - chính trị toàn cầu có những biến động lớn.

Trong khi các công ty FDI chỉ chiếm 20,3% GDP của Việt Nam, họ đã đóng góp tới 67,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2019. Một trong những ví dụ điển hình về sự đóng góp “ngoại cỡ” của khu vực FDI vào sự phát triển kinh tế và hoạt động xuất khẩu của Việt Nam là Samsung. Tính đến tháng 3/2020, Samsung là nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất của Việt Nam với số vốn đầu tư lũy kế hơn 17 tỷ USD. Samsung cũng là một trong những nhà tuyển dụng lớn nhất tại Việt Nam, với tổng số nhân viên là hơn 110.000 người. Năm 2019, doanh thu của Samsung tại Việt Nam là khoảng 68,3 tỷ USD, bằng khoảng 26% GDP của Việt Nam. Đóng góp của Samsung vào hoạt động xuất khẩu của Việt Nam cũng rất đáng chú ý. Năm 2019, Tập đoàn này đã xuất khẩu các sản phẩm trị giá 51,3 tỷ USD, chiếm 19,4% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam trong năm đó (Lê Hồng Hiệp, 2020).

Dù đầu tư của Samsung vào Việt Nam là một ví dụ tiêu biểu cho thấy thành công của Việt Nam trong việc thu hút FDI, nhưng nó cũng làm nổi bật sự phụ thuộc

của Việt Nam vào dòng vốn nước ngoài và xuất khẩu. Việc một công ty nước ngoài đóng góp tới 19,4% kim ngạch xuất khẩu là điều chưa từng có tiền lệ ở Việt Nam và cũng là điều hiếm thấy ở các quốc gia trên thế giới. Nếu Samsung quyết định ngừng hoặc thu hẹp quy mô hoạt động tại Việt Nam, nền kinh tế Việt Nam sẽ bị ảnh hưởng nặng nề.

Ngay cả khi Samsung không có kế hoạch thu hẹp quy mô hoạt động tại Việt Nam trong tương lai gần, việc chúng ta phụ thuộc vào xuất khẩu và FDI khiến nền kinh tế rất dễ bị ảnh hưởng bởi các cú sốc bên ngoài. Tác động từ đại dịch Covid-19 đang diễn ra là một lời nhắc nhở rõ ràng về điểm yếu này. Mặc dù Việt Nam vẫn duy trì được kết quả xuất khẩu khá ổn định, nhưng nhu cầu từ các thị trường xuất khẩu trọng điểm suy giảm đã khiến nhiều công ty FDI phải giảm quy mô sản xuất và sa thải lao động, đặc biệt là trong các lĩnh vực sử dụng nhiều lao động như may mặc và da giày. Tương tự, làn sóng các công ty đa quốc gia rút khỏi Trung Quốc hoặc đa dạng hóa sản xuất ra ngoài Trung Quốc trong vài năm qua cũng gây báo động cho các nhà hoạch định chính sách Việt Nam. Tại một thời điểm nào đó trong tương lai, điều tương tự cũng có thể xảy ra với Việt Nam khi chi phí lao động tăng cao khiến một số công ty đa quốc gia không thể tiếp tục duy trì cơ sở sản xuất của họ ở Việt Nam.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Có thể thấy, khối ngoại hiện đang chiếm ưu thế trong xuất khẩu rất nhiều lĩnh vực ở Việt Nam, như: công nghiệp điện tử, công nghiệp chế biến - chế tạo, gỗ... Chúng ta không nên phụ thuộc quá nhiều vào FDI. Điều này được giải thích dựa trên “nguyên lý phụ thuộc”, tức là quốc gia phụ thuộc sẽ đóng vai trò bên

lê, trong khi quốc gia còn lại sẽ là quốc gia cốt lõi và nguồn lực sẽ mất dần từ quốc gia này sang quốc gia kia.

Vì vậy, để giảm bớt sự phụ thuộc xuất khẩu vào khu vực FDI, Việt Nam cần gia tăng sức mạnh nội tại thông qua một số giải pháp sau:

Thứ nhất, cần nhìn nhận lại chiến lược thu hút FDI. Theo đó, nghiên cứu xóa bỏ một số ưu đãi mà các doanh nghiệp FDI đã tận hưởng trong những năm qua, chuyển hướng vào đầu tư nội lực cho doanh nghiệp trong nước. Chỉ nên tập trung ưu đãi cho khu vực FDI vào những sản phẩm, chi tiết sản xuất nào tạo giá trị gia tăng, có hàm lượng công nghệ cao.

Đồng thời, khuyến khích thu hút các dự án FDI tạo sức lan tỏa lớn, tăng kết nối với khu vực trong nước, từ đó giúp các doanh nghiệp Việt lớn dần, đủ sức trở thành đối tác của các doanh nghiệp FDI, tham gia sâu hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu và dần tăng tỷ trọng trong đóng góp vào xuất khẩu.

Thứ hai, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các doanh nghiệp này đóng vai trò là chất xúc tác của nền kinh tế và quan trọng trong vấn đề giải quyết việc làm. Đặc biệt, khi những doanh nghiệp này tác động ngược trở lại sẽ mang đến lợi ích cho doanh nghiệp nhà nước và nhà đầu tư nước ngoài.

Đồng thời, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân mở rộng kinh doanh, đặc biệt là vào các lĩnh vực chế tạo và công nghệ cao, để củng cố nền tảng công nghiệp trong nước của Việt Nam.

Việc Chính phủ hỗ trợ Vingroup, tập đoàn tư nhân lớn nhất Việt Nam, mở rộng sang các ngành công nghiệp ô tô, điện tử và công nghệ cao là một ví dụ điển hình. Nếu thành công, những “con chim đầu đàn” như vậy sẽ không chỉ thúc đẩy tăng trưởng GDP của Việt Nam, mà còn tạo ra nhiều kim ngạch xuất khẩu hơn cho đất nước.

Thứ ba, tăng cường hợp tác khu vực thông qua ASEAN và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP). Cần có một kế hoạch tổng thể về kinh tế và công nghiệp ASEAN, tương tự như kế hoạch tổng thể về kết nối ASEAN 2025. Kế hoạch này sẽ xác định mạng lưới sản xuất và cơ sở chuỗi cung ứng dựa trên lợi thế cạnh tranh hay vị trí chiến lược của các quốc gia thành viên. Ví dụ như việc tích hợp hoàn toàn các dây chuyền và khu sản xuất thiết bị điện và điện tử (E&E) của Việt Nam với Malaysia. Một giải pháp khác là khôi phục liên kết giao dịch ASEAN dựa trên Diễn đàn Thị trường vốn ASEAN (ACMF). Thông qua đó, cung cấp các chương trình đầu tư xuyên biên giới.

Thứ tư, tăng chi đầu tư trực tiếp trong nước, bao gồm cả đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D). Tăng cường ứng dụng và chuyển giao công nghệ, hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước hiện đại hóa sản xuất.

Thứ năm, đa dạng hóa và thúc đẩy hơn nữa các liên kết thương mại và đầu tư ngoài các đối tác FDI truyền thống. Tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp từ vườn ươm, start-up đến đào tạo, quản trị, tài chính, thông tin định hướng, thị trường... Đẩy mạnh chiến lược phát triển thương hiệu Việt và quảng bá trên toàn thế giới.

Thứ sáu, phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng ưu tiên với một số ngành trọng điểm, kết nối các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng, nguyên vật liệu trong nước để sản xuất thay thế dần nguồn nhập khẩu; tái cơ cấu sản xuất với kỹ thuật hiện đại, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa...□

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Công Thương (2017-2022). *Báo cáo tổng kết công tác các năm từ 2016 đến 2021, triển khai nhiệm vụ các năm từ 2017 đến 2022*
2. Ngân hàng Thế giới (2020). *Báo cáo Phát triển Việt Nam 2019: Việt Nam - Kết nối vì Phát triển và Thịnh vượng chung*, Washington DC
3. Tổng cục Thống kê (2021). *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV/2021 và năm 2021*
4. Vũ Thị Minh Ngọc và Lê Quang Linh (2020). Tác động của FDI đến môi trường tại các tỉnh khu vực phía Bắc, *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, 119
5. Rakhmatullayeva, D., Kuliyeu, I., Beisenbaiyev, Z., Tabeyev, T. (2020). *Assessment of the influence of FDI on the economic growth of the host country: evidence from Kazakhstan*, In E3S Web of Conferences, EDP Sciences
6. Lê Hồng Hiệp (2020). *Sự phụ thuộc quá mức của Việt Nam vào xuất khẩu và FDI*, truy cập từ <https://nghiencuuquocte.org/2020/09/08/su-phu-thuoc-qua-muc-cua-viet-nam-va-xuat-khau-va-fdi/>
7. Nguyễn Duy Nghĩa (2022). *Xuất nhập khẩu: Phá thế “chân kiềng” dựa FDI*, truy cập từ <https://www.saigondautu.com.vn/kinh-te/xuat-nhap-khau-pha-the-chan-kieng-dua-fdi-102150.html>
8. Thùy Vân và cộng sự (2021). *Cân bằng tỷ trọng xuất khẩu, giảm phụ thuộc khối FDI*, truy cập từ <https://nhandan.vn/kinh-te/can-bang-ty-trong-xuat-khau-giam-phu-thuoc-khoi-fdi-657617/>